



## DANH SÁCH LỚP 12A (TN) - NĂM HỌC 2023 - 2024

GVCN: Đặng Thị Khánh Phương

| STT | HỌ VÀ TÊN       |        | Nữ | Lớp cũ | GHI CHÚ         |
|-----|-----------------|--------|----|--------|-----------------|
| 1   | Nguyễn Quỳnh    | Anh    | x  | 11A    |                 |
| 2   | Nguyễn Vũ Ngọc  | Anh    | x  | 11A    |                 |
| 3   | Nguyễn Ngọc Bảo | Châu   | x  | 11A    |                 |
| 4   | Trần Trung      | Dũng   |    | 11D    |                 |
| 5   | Bùi Nhật        | Duy    |    | 11D    |                 |
| 6   | Lê Trọng        | Đạo    |    | 11A    |                 |
| 7   | Hoàng Gia       | Hân    | x  | 11A    |                 |
| 8   | Nguyễn Trần Gia | Huy    |    | 11D    |                 |
| 9   | Nguyễn          | Hưng   |    | 11D    |                 |
| 10  | Trần Tuấn       | Khải   |    | 11D    |                 |
| 11  | Đỗ Hoàng Minh   | Khang  |    | 11D    |                 |
| 12  | Vũ Thế          | Khang  |    | 11D    |                 |
| 13  | Hà Đặng Anh     | Khoa   |    | 11C    | 12D chuyển sang |
| 14  | Trần Lê         | Khoa   |    | 11D    |                 |
| 15  | Huỳnh Gia       | Lạc    |    | 11D    |                 |
| 16  | Thái Hoàng      | Long   |    | 11A    |                 |
| 17  | Vũ Anh          | Minh   |    | 11A    |                 |
| 18  | Tăng Mẫn        | Nghi   | x  | 11B    |                 |
| 19  | Lâm Phạm Khôi   | Nguyên |    | 11A    |                 |
| 20  | Bùi Thiên       | Phước  |    | 11D    |                 |
| 21  | Đinh Trần Thùy  | Phương | x  | 11B    |                 |
| 22  | Nguyễn Nhật     | Quang  |    | 11A    |                 |
| 23  | Hứa Trần Cẩm    | Tú     | x  | 11B    |                 |
| 24  | Phan Đăng       | Tuyền  |    | 11D    |                 |
| 25  | Hứa Võ Thanh    | Thảo   | x  | 11B    |                 |
| 26  | Lê Ngọc Minh    | Thư    | x  | 11C    |                 |
| 27  | Hồ Bảo Yến      | Trang  | x  | 11C    |                 |
| 28  | Dương Thùy      | Trâm   | x  | 11B    |                 |
| 29  | Lê Nguyễn Hoàng | Vy     | x  | 11A    |                 |



# DANH SÁCH LỚP 12B (TN)- NĂM HỌC 2023 - 2024

GVCN: Nguyễn Ngọc Khánh

| STT | HỌ VÀ TÊN          |        | NỮ | LỚP CŨ | GHI CHÚ |
|-----|--------------------|--------|----|--------|---------|
| 1   | Nguyễn Dương Bảo   | Anh    | x  | 11D    |         |
| 2   | Nguyễn Ngọc Mai    | Anh    | x  | 11C    |         |
| 3   | Nguyễn Gia         | Bảo    |    | 11C    |         |
| 4   | Nguyễn Ngọc Hải    | Đặng   |    | 11C    |         |
| 5   | Lê                 | Kiên   |    | 11A    |         |
| 6   | Phan Minh          | Kiệt   |    | 11B    |         |
| 7   | Hồ Minh            | Khang  |    | 11C    |         |
| 8   | Trương Gia         | Khánh  |    | 11C    |         |
| 9   | Nguyễn Gia         | Khiêm  |    | 11B    |         |
| 10  | Nguyễn Việt        | Khoa   |    | 11B    |         |
| 11  | Nguyễn Đăng        | Khôi   |    | 11B    |         |
| 12  | Phan Tuấn          | Khôi   |    | 11C    |         |
| 13  | Nguyễn Ngọc Mai    | Linh   | x  | 11B    | LT      |
| 14  | Trương Thị Thanh   | Mai    | x  | 11B    |         |
| 15  | Nguyễn Đình Phương | Nghi   | x  | 11C    |         |
| 16  | Nguyễn Hồ Bích     | Ngọc   | x  | 11B    |         |
| 17  | Trần Khánh         | Như    | x  | 11A    |         |
| 18  | Nguyễn Văn Tấn     | Phước  |    | 11B    |         |
| 19  | Phạm Như           | Phương | x  | 11C    |         |
| 20  | Lê Đức             | Thành  |    | 11C    |         |
| 21  | Nguyễn Phước       | Thành  |    | 11C    |         |
| 22  | Trương Huỳnh Chí   | Thiện  |    | 11C    |         |
| 23  | Lê Nhật Minh       | Thư    | x  | 11B    |         |
| 24  | Nguyễn Nhựt Minh   | Thư    | x  | 11A    |         |
| 25  | Nguyễn Lê Minh     | Triết  |    | 11C    |         |
| 26  | Chu Anh            | Văn    |    | 11B    |         |
| 27  | Nguyễn Ngọc Thái   | Vân    | x  | 11D    |         |
| 28  | Nguyễn Tấn         | Vũ     |    | 11B    |         |



## DANH SÁCH LỚP 12C (XH) - NĂM HỌC 2023 - 2024

GVCN: Nguyễn Thị Thảo

| STT | HỌ VÀ TÊN                  |        | NỮ | LỚP CŨ | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------|--------|----|--------|---------|
| 1   | Phạm Văn                   | Anh    | x  | 11D    |         |
| 2   | Đặng Quang                 | Bình   |    | 11A    |         |
| 3   | Nguyễn Bảo                 | Duy    |    | 11C    |         |
| 4   | Bùi Đức                    | Dương  |    | 11B    |         |
| 5   | Nguyễn Phương Diễm         | Hạnh   | x  | 11A    |         |
| 6   | Trần Ngọc                  | Hiếu   |    | 11B    |         |
| 7   | Nguyễn Gia                 | Huy    |    | 11A    |         |
| 8   | Nguyễn Dương Quỳnh         | Hương  | x  | 11C    |         |
| 9   | Phạm Nguyễn Nhật           | Khang  |    | 11A    |         |
| 10  | Lâm Minh                   | Khôi   |    | 11A    | LT      |
| 11  | Đỗ Quốc                    | Minh   |    | 11B    |         |
| 12  | Huỳnh Nguyễn Lâm Phạm Trúc | My     | x  | 11C    | LT      |
| 13  | Hà Nhật                    | Nam    |    | 11C    |         |
| 14  | Huỳnh Ngọc Tuyết           | Ngân   | x  | 11C    |         |
| 15  | Tạ Nguyễn Khánh            | Ngân   | x  | 11B    |         |
| 16  | Trương Trí                 | Nghĩa  |    | 11C    |         |
| 17  | Nguyễn Minh                | Nhật   |    | 11A    |         |
| 18  | Nguyễn Phan Quỳnh          | Như    | x  | 11A    |         |
| 19  | Phạm Minh                  | Phú    |    | 11A    |         |
| 20  | Nguyễn Tấn                 | Phúc   |    | 11A    |         |
| 21  | Trần Duy                   | Phúc   |    | 11C    |         |
| 22  | Đặng Gia                   | Phước  |    | 11A    |         |
| 23  | Trần Ngọc                  | Quý    |    | 11C    |         |
| 24  | Đinh Như                   | Quỳnh  | x  | 11B    |         |
| 25  | Trần Trung                 | Tiến   |    | 11C    |         |
| 26  | Phan Đình                  | Tuyển  |    | 11A    |         |
| 27  | Nguyễn Quốc                | Thái   |    | 11A    |         |
| 28  | Tạ Ngô Ngọc Thanh          | Thảo   | x  | 11C    |         |
| 29  | Lê Hoàng Anh               | Thư    | x  | 11C    |         |
| 30  | Trương Văn Giác            | Thức   |    | 11C    |         |
| 31  | Nguyễn Bảo Trân            | Trân   | x  | 11C    |         |
| 32  | Đỗ Văn                     | Trường |    | 11C    |         |



## DANH SÁCH LỚP 12D (XH) - NĂM HỌC 2023 - 2024

GVCN: Vương Thị Hạnh Trang

| STT | HỌ VÀ TÊN         |        | NỮ | LỚP CŨ | GHI CHÚ |
|-----|-------------------|--------|----|--------|---------|
| 1   | Lê Minh           | Anh    | x  | 11B    |         |
| 2   | Nguyễn Thế        | Anh    |    | 11D    |         |
| 3   | Đỗ Trịnh Duy      | Ân     |    | 11D    |         |
| 4   | Hồ Thanh          | Ân     |    | 11B    |         |
| 5   | Đinh Văn Hoàng    | Dương  |    | 11D    |         |
| 6   | Khoa Năng         | Đạt    |    | 11D    |         |
| 7   | Nguyễn Minh       | Hoàng  |    | 11D    |         |
| 8   | Nguyễn Minh       | Hoàng  |    | 11B    |         |
| 9   | Trần Anh          | Huy    |    | 11B    |         |
| 10  | Võ Nguyễn Gia     | Hy     |    | 11D    |         |
| 11  | Vũ Hồng           | Kiên   |    | 11D    |         |
| 12  | Lê Gia            | Kiệt   |    | 11A    |         |
| 13  | Nguyễn Ngọc Thiên | Kiều   | x  | 11A    |         |
| 14  | Đỗ Duy            | Kỳ     |    | 11D    |         |
| 15  | Phạm Minh         | Khôi   |    | 11D    |         |
| 16  | Triệu Lê Minh     | Khôi   |    | 11B    |         |
| 17  | Nguyễn Thùy       | Linh   | x  | 11A    |         |
| 18  | Trần Vương Triệu  | Mẫn    | x  | 11D    |         |
| 19  | Nguyễn Hoàng      | Minh   |    | 11B    |         |
| 20  | Phạm Uyên         | Nghi   | x  | 11A    |         |
| 21  | Huỳnh Ngọc Phương | Như    | x  | 11D    |         |
| 22  | Trần Hoàng        | Phú    |    | 11B    |         |
| 23  | Võ Phạm Minh      | Quân   |    | 11D    |         |
| 24  | Nguyễn Huỳnh Đức  | Tiến   |    | 11B    |         |
| 25  | Bùi Anh           | Tuấn   |    | 11A    |         |
| 26  | Nguyễn Xuân       | Tùng   |    | 11B    |         |
| 27  | Trần Mai Phương   | Trâm   | x  | 11D    |         |
| 28  | Đoàn Đình         | Trọng  |    | 11D    |         |
| 29  | Bùi Mạnh          | Trường |    | 11D    | LT      |
| 30  | Phạm Nguyễn Tú    | Uyên   | x  | 11A    |         |
| 31  | Nguyễn Kim        | Yến    | x  | 11D    |         |